

Số phiếu: 01960/2025/PKQ-THH (25.2026)

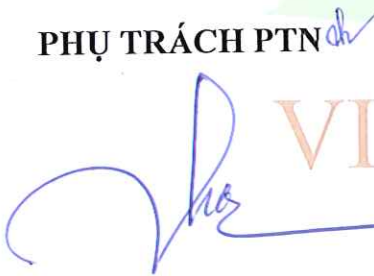
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHẮNG TIẾN
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHẮNG TIẾN
- Địa chỉ lấy mẫu : Đường ĐT 7A, Phường An Tây, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 12/05/2025
- Thời gian thử nghiệm : 13/05/2025 - 20/05/2025
- Ngày trả kết quả : 20/05/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	250513.NT.006	Tại hồ chứa nước thải (X = 1231150; Y = 585786)	Nước thải
2	250513.KK.007	Khu vực trạm vận hành (khu vực ngoài trời) (X= 1231131; Y= 585810)	Không khí lao động

8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN 

Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.



Số phiếu: 01960/2025/PKQ-THH (25.2026)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 250513.NT.006)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,2
1	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	15	32,4
2	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	34	81
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	31	54

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,2: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- 250513.NT.006: Tại hố chứa nước thải (X = 1231150; Y = 585786)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 01960/2025/PKQ-THH (25.2026)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 250513.KK.007)

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 24:2016/BYT
				Làm việc 6 ngày	Tại nơi làm việc
1	Nhiệt độ ^(c) °C	TCVN 5508 : 2009	30,8	-	-
2	Độ ẩm ^(c) %	TCVN 5508 : 2009	69,2	-	-
3	Tốc độ gió ^(c) m/s	TCVN 5508 : 2009	0,4	-	-
4	Tiếng ồn ^(c) dBA	TCVN 9799 : 2013	78,1	-	85
5	Ánh sáng ^(c) lux	TCVN 5176 : 1990	Ánh sáng tự nhiên	-	-
6	Cacbon monoxit (CO) ^(c) mg/m ³	QT-PTKCO-29.	3,23	15,63	-
7	Nito đioxit (NO ₂) ^(c) mg/m ³	TCVN 6137:2009.	0,061	3,91	-
8	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(c) mg/m ³	TCVN 5971:1995.	0,061	3,91	-
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(c) mg/m ³	TCVN 5067:1995.	0,51	6,25 ⁽¹⁾	-

Chú thích: (c)- Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

- (1): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

- 250513.KK.007: Khu vực trạm vận hành khu vực ngoài trời (X= 1231131; Y= 585810)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

